



Thiền tông

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Bài này viết về một phương pháp tu tập và tông phái của Phật giáo. Đừng nhầm lẫn với khái niệm mở rộng khác, xem Zen.

Thiền tông (tiếng Trung: 禪宗; biên âm: *chán-zōng*, tiếng Nhật: *zen-shū* (禅宗)), còn gọi là Phật Tâm tông là một pháp môn tu tập. Tổ sư Thiền là một tông phái Phật giáo Đại thừa xuất phát từ 28 đời Tổ sư Ấn Độ và truyền bá lớn mạnh ở Trung Quốc, tuy nhiên các thiền sư trong Thiền tông tự coi tông phái mình tách biệt không thuộc Đại thừa hay Tiểu thừa. Thiền tông sinh ra trong khoảng thế kỷ thứ 6, thứ 7, khi Bồ-đề-đạt-ma đưa phép Thiền của đạo Phật vào Trung Quốc cùng với phái lớn huyền học của đạo Lão. Nơi đây, Thiền tông trở thành một tông phái lớn, với mục đích là hành giả trực nhận được bản thể của sự vật và đạt giác ngộ, như Phật Thích-ca Mâu-ni đã đạt được dưới gốc cây Bồ-đề. Tông phái này được đưa vào Việt Nam từ Trung Quốc với tên gọi là Thiền tông, và qua Triều Tiên với tên gọi là Seon, hay Nhật Bản là Zen.

Thiền tông Trung Quốc được sáng lập trong thời kì Phật pháp đang là đối tượng tranh luận của các tông phái. Để đối lại khuynh hướng "**triết lý hoá**", phân tích chi li các giáo lý Phật giáo của các tông khác, các vị Thiền sư bèn đặt tên cho tông mình là "Thiền" để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chứng ngộ Phật tính thông qua thực tiễn tu tập và thực chứng.

Thiền tông không chủ trương phế bỏ kinh sách nhưng cũng không khuyến khích chấp nhặt quá vào kinh sách, kinh sách được dùng làm phương tiện để tham khảo chứ không phải mục đích để n của các hành giả Thiền Tông. Mục đích tối thượng của người tu tập theo Thiền tông là liễu ngộ Phật tính, thấu suốt bản tâm thanh tịnh của chính mình, thoát khỏi sinh tử luân hồi và sống với bản tâm thanh tịnh ấy, nếu có nhân duyên thì hoá ứng giúp người cũng tu tập ngộ đạo như mình, làm lợi lạc quần sinh.

Những nét đặc trưng của Thiền tông có thể tóm tắt được như sau:

Thiền tông	
Tên tiếng Trung	
Phồn thể	禪
Giản thể	禅
Phiên âm	
Tiếng Hán tiêu chuẩn	
Biên âm Hán ngữ	Chán
Wade–Giles	Ch'an ²
IPA	[tʂʰǎn]
Tiếng Quảng Châu	
Việt bính	Sim4
Tiếng Hán trung cổ	
Tiếng Hán trung cổ	dzjen
Tên tiếng Việt	
Tiếng Việt	Thiền
Tên tiếng Triều Tiên	
Hangul	선

Giáo ngoại biệt truyền
 教外別傳
 Bất lập văn tự
 不立文字
 Trực chỉ nhân tâm
 直指人心
 Kiến tính thành Phật
 見性成佛

Truyền giáo pháp ngoài kinh điển
 không lập văn tự
 chỉ thẳng tâm người
 thấy chân tính thành Phật.

Bồ n tính chấ t rấ t rõ ràng để nhập tâm này được xem là do Bồ`-đề`-đạt-ma nêu lên, nhưng cũng có người cho rằ ng chúng xuấ t phát từ Thiề n sư đời sau là Nam Tuyề n Phổ Nguyên (zh. 南泉普願, 749-835), một môn đệ của Mã Tổ Đạo Nhấ t. Truyề n thuyề t cho rằ ng quan điêm "Truyề n pháp ngoài kinh điển" đã do Phật Thích-ca áp dụng trên núi Linh Thứu (sa. *ḡṛdhrakūṭa*). Trong pháp hội đó, Ngài im lặng đưa lên một cành hoa và chỉ có Ma-ha-ca-diề p (sa. *mahākāśyapa*), một đại đệ tử, mỉm cười lĩnh hội ý chỉ của cách "Dĩ tâm truyề n tâm" (以心傳心, xem Niêm hoa vi tiế u). Phật Thích-ca ấ n chứng cho Ca-diề p là Sơ tổ của Thiề n tông Ấ n Độ. Từ đó, Thiề n tông coi trọng tính chấ t Đô n ngộ (zh. 頓悟), nghĩa là "giác ngộ ngay tức khắ c", trên con đường tu học.

Lịch sử

Các tài liệu Phật giáo cho rằ ng Thiề n tông được hình thành khi Đức Phật truyề n y bát cho tôn giả Ma-ha-ca-diề p làm sơ tổ và hình thành nên Thiề n tông qua sự tiế p nộ i và kế thừa của 28 đời tổ sư, còn gọi là Tây Thiên Nhị thập bát tổ. Tuy nhiên, có người cho rằ ng việc Đức Phật truyề n thừa y bát cho Tổ Ma-ha-ca-diề p không được nhắ c đế n trong các kinh điển theo truyề n thố ng Phật giáo Nguyên Thủy hay trong Phật giáo Đại Thừa, vì thế vậ n đề này khiế n cho nhiề u học giả nghi ngờ về tính trung thực. Để chứng minh về tính chính thố ng của Thiề n tông, ở trong tác phẩm "Thiề n gia quy giám" của Đại sư Tây Sơn, cao tăng Thiề n phái Tào Khê Hàn Quố c, đã đưa ra ba sự kiện trong Kinh điển để thể hiện việc Đức Phật truyề n tâm ấ n cho Tổ Ma-ha-ca-diề p:

- Lần thứ nhất, khi ở trong hội Linh Thứu, có ngoại đạo đem hoa đến cúng dường, Đức Phật nâng cành sen lên dạy chúng, cả hội chúng đều ngỡ ngác, không hiểu lời Phật dạy, duy chỉ có ngài Ca Diếp đại ngộ mỉm cười, biểu thị cho sự ngộ nhập Tự Tính. Câu chuyện này được trích trong *Đại Phạm Thiên Vương vấn Phật Quyết Nghi Kinh*,
- Lần thứ hai, ở dưới tháp Đa Bảo, Đức Phật chia nửa tòa thuyết pháp và bảo Ca Diếp ngồi, đem y cà sa Tăng-già-lê khoác lên người Ca Diếp. Sự kiện này được lấy từ *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*.
- Lần thứ ba, khi Đức Phật nhập Niết Bàn, ngài Ca Diếp ở xa thuyết pháp chưa về gặp Phật kịp, đại chúng muốn trà tỳ nhục thân Đức Thế Tôn nhưng không được, đến khi ngài Ca Diếp đến bên quan tài thì tự nhiên quan tài mở ra, để lộ bàn chân của Thế Tôn. Sự việc này được trích dẫn từ *Kinh Đại Bát Niết Bàn*.

Hanja	禪
Phiên âm	
Romaja quốc ngữ	Seon
Tên tiếng Nhật	
Kanji	禪
Chuyển tự	
Rōmaji	Zen
Tên tiếng Phạn	
Phạn	<i>dhyāna</i>

Trước khi Tô Ma-ha-ca-diếp nhập diệt, sư đem chính pháp nhãn tạng và y bát truyền lại cho Tôn giả A-nan kê làm Nhị Tổ và cứ như thế truyền qua 28 đời, mỗi đời chỉ chọn duy nhất một người làm Tổ kế vị. Thiền tông tại Ấn Độ có phân mang tư tưởng Nam tông như Tứ thánh quả A-la-hán và việc thực hành Thiền định. Và đến thời của tổ 28 là Bồ-đề-đạt-ma, trước tình trạng suy tàn Phật giáo ở Ấn Độ, và theo sự căn dặn của Tổ Bát-nhã-đa-la, Thiền tông được truyền sang Trung Quốc.

Thiền tông tại Trung Quốc

Bài chi tiết: Thiền tông Trung Quốc

Thiền tông tại Trung Quốc có quá trình lịch sử lâu dài, với nhiều sự thăng trầm, biến đổi. Các học giả phương Tây về Phật giáo chia Thiền thành nhiều giai đoạn phát triển khác nhau tại Trung Quốc. Học giả Ferguson chia lịch sử Thiền tông Trung Quốc thành ba thời kỳ từ thế kỷ 5-13:

- 1.) Thời kỳ Huyền thoại (*The Legendary period*): từ khi **Bồ-đề-đạt-ma** (Đạt ma Sư Tổ) truyền Thiền vào Trung Quốc cho đến cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn vào năm 765, các tài liệu về Thiền tông thời này khá hiếm hoi. Đây là thời kỳ diễn ra sự truyền pháp giữa 6 vị tổ sư Thiền tông, từ Bồ-đề-đạt-ma cho đến Huệ Năng. Và phân chia giữa Truyền thống Thiền Nam tông với đại diện là Lục tổ Huệ Năng và Thiền Bắc tông với đại diện là Ngọc Tuyền Thần Tú.
- 2.) Thời kỳ Cổ điển (*The Classical period*): từ cuối cuộc nổi loạn An Lộc Sơn cho đến thời kỳ đầu nhà Tống(950). Đây là thời gian sản sinh ra nhiều vị Thiền sư danh tiếng như Mã Tổ Đạo Nhất, Lâm Tế Nghĩa Huyền và sự ra đời của các bản Ngũ lục (*yǔ-lǔ*), là các tập sách ghi lại hành trạng và công án, pháp ngữ của các Thiền sư. Đây là thời kỳ vàng son của Thiền dưới triều nhà Đường.
- 3.) Thời kỳ Văn học (*The Literary period*): từ khoảng năm 950 đến năm 1250. Trong thời gian này, các bộ sưu tập Công án Thiền đã được biên soạn, các tập Ngũ lục của các thiền sư được thêm vào phần lời bình và kệ tụng, đặc biệt là quyển Cảnh Đức Truyền đăng lục ghi lại hành trạng, pháp ngữ của hàng ngàn vị thiền sư Trung Quốc từ sơ khai cho đến Pháp Nhãn Văn Ích. Đây là thời kỳ nối tiếp thời kỳ vàng son nhà Đường.

Một học giả khác là McRae chia Lịch sử Thiền tông Trung Quốc thành 4 thời kỳ:

1. **Thời kỳ sơ khai** (500-600): thời đại Nam Bắc triều (420-589) và Nhà Tùy (589-618). Trong giai đoạn này, Thiền đã phát triển ở nhiều địa điểm ở miền bắc Trung Quốc. Và được dựa trên sự thực hành của Thiền định (*dhyana*), có sự kết nối với các nhân vật như Bồ-đề-đạt-ma, Huệ Khả. Tác phẩm nổi bật nhất thời kỳ này được biết đến là "Nhị thập tứ hạnh luận", được cho là sáng tác của tổ Bồ-đề-đạt-ma.
2. **Thời kỳ đầu** (600-900). Trong giai đoạn này, Thiền đã bắt đầu trở nên nổi trội và phát triển hơn. Những nhân vật tiêu biểu thời này là Ngũ Tổ Hoàng Nhãn (601-674), đệ tử Thần Tú (606 -706), hay Huệ Năng (638-713), nhân vật chính trong Pháp Bảo Bảo Đàn Kinh, và Hà Trạch Thần Hội (670-762), người đã chỉ trích Thiền của Thần Tú là Thiền không chính thống và đưa Thiền của Huệ Năng lên vị trí chính, được chính thức triều đình bấy giờ công nhận là dòng truyền trực tiếp. Các tông phái chính thời bấy giờ là Thiền Nam tông, Thiền Bắc tông và Ngưu Đầu Thiền.
3. **Thời kỳ Trung Thiền** (750-1000) Trong giai đoạn Thiền này đã phát triển mạnh mẽ với các vị thiền sư nổi tiếng. Nổi bật nhất là Mã Tổ Đạo Nhất (709-788), Thạch Đầu Hi Thiên (710-790), Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867) và Tuyết Phong Nghĩa Tồn (822-908). Các phái chính là Thiền

Hồng Châu của Mã Tổ và Thiên Hà Bắc của Thạch Đầu. Một văn bản quan trọng là Tuyển tập các vị tổ sư (952), và đưa ra một số lượng lớn "câu chuyện gặp gỡ", và gia phả nổi tiếng về các vị thiền sư của Thiền tông Trung Quốc..

- Thời kỳ nhà Tống** (950-1300). Trong giai đoạn này, Thiền đã có hình dạng đầy đủ của nó về bức tranh "thời hoàng kim" của Thiền thời nhà Đường, và việc sử dụng các công án Thiền cho việc tham cứu tu hành. Các nhân vật chính là Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163), người đã đề xướng phương pháp Thiền Thoại Đầu và Hoàng Trí Chính Giác (1091-1157) thì nhấn mạnh vào việc thực hành Thiền Mặc chiếu (Shikantaza). Các tông phái chính là Lâm Tế tông và Tào Động tông. Các bộ tuyển tập công án như Bích nham lục đã được sáng tác trong giai đoạn này, phản ánh tính chất Văn học trong sự phát triển của Thiền tông. Trong giai đoạn này, Thiền được truyền đến Nhật Bản và gây ảnh hưởng lớn đến Thiền tông Hàn Quốc thông qua Trí Nội.

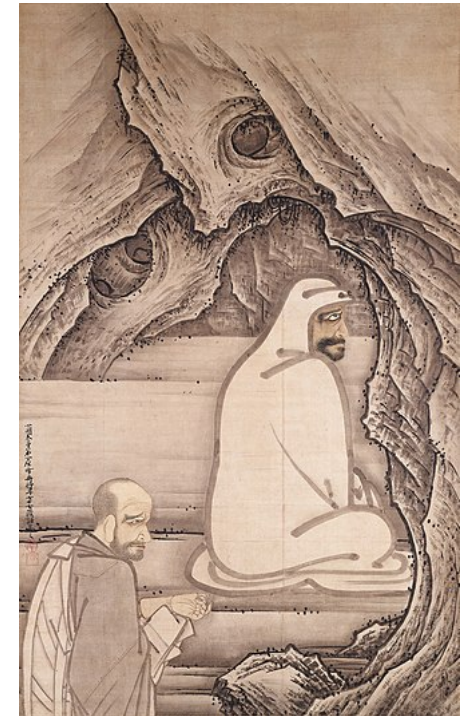
Tuy nhiên, cả Ferguson và McRae đều không đưa ra một thời kỳ nhất định cho Thiền Trung Quốc từ sau triều Tô Ng.

Thời kỳ hình thành (500-600)

Thiền tông được Bồ-đề-đạt-ma truyền qua Trung Quốc vào năm 520, tương truyền Sư từng đến gặp Lương Vũ Đế để truyền Phật pháp nhưng thấy cơ duyên không hợp nên đến chùa Thiệu Lâm, Tung Sơn và quay mặt vào vách gỗ i Thiền hơn 9 năm để chờ người có duyên hỏi đạo. Trong số những người hiểu kỳ và mê n mộ đồ i với Thiền pháp của Đạt Ma, có vị tăng Thân Quang là người có chí khí và quyết tâm cao tột nhất, theo truyền thuyết, Thân Quang đã quỳ dưới tuyết suốt ngày đêm mong Đạt Ma chấp nhận và chỉ dạy, nhưng Đạt Ma vẫn im lặng tọa Thiền, và Thân Quang đã chặt một cánh tay dâng lên Đạt Ma để thể hiện lòng cầu đạo thiết tha của mình. Qua cuộc vấn đáp giữa Bồ-đề-đạt-ma và Thân Quang, mà sau này trở thành một trong những công án nổi tiếng của Thiền tông, Thân Quang khai ngộ và sau đó chính thức được truyền y bát, tâm ấn trở thành Nhị Tổ Huệ Khả của Thiền tông Trung Quốc. Bồ-đề-đạt-ma cũng được xem là người đã đưa nê n tạng Kinh Nhập Lăng-già, 4 quyển vào Trung Quốc và trao cho Huệ Khả, những tác phẩm về tư tưởng Thiền đã u tiên có ảnh hưởng ở Trung Quốc được cho là do Tổ Đạt Ma sáng tác như: Đạt ma luận, Nhị nhập tứ hành luận. Từ vị sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma cho đến Tam Tổ Tăng Xán, thời thế lúc bấy giờ khá loạn lạc, các vị Tổ này thường ẩn dật nên Thiền Tông ít được biết đến nhiều. Ngoài ra, còn có bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán rất có giá trị về mặt Thiền học.

Thời kỳ đầu (600-700)

Thiền Tông thời kỳ này bắt đầu phát triển mạnh mẽ, dưới thời Tứ Tổ Đạo Tín, dần Thiền Tông lan rộng ảnh hưởng đến nhiều tầng lớp dân cư và có đông đảo người tu học. Từ Đạo Tín có hai đệ tử xuất sắc là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn và Nguưu Đầu Pháp Dung. Dưới Nguưu Đầu Pháp Dung, hình thành nên Tông Nguưu Đầu u với nhiều vị thiền sư danh tiếng, và dưới hội của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thì hình thành nên Pháp Môn Đông Sơn lấy Kinh Kim cang làm gốc để thay thế cho kinh Nhập Lăng-già, với nhiều vị đệ tử xuất sắc như Ngọc Tuyên Thân Tú, Tung Nhạc Huệ An Quốc Sư hay Lục Tổ Huệ Năng đã làm cho phạm vi ảnh hưởng của Thiền tông ngày càng sâu đậm. Nói về Lục Tổ Huệ Năng, sư



Bức họa Huệ Khả dâng cánh tay lên Bồ Đề Đạt Ma cầu pháp, Sesshū Tōyō (1496)

vô n sinh ra trong gia đình nghèo khó, cha mất sớm, làm lụng nuôi mẹ già, sau nhân nghe một vị cư sĩ tụng kinh Kim cang mà ngộ Thiề n, đê n khi gặp Ngũ Tổ Hoả ng Nhẫn triệt ngộ và được truyề n y bát tổ sư. Qua câu chuyện về Lục Tổ đã chứng minh tính siêu việt của Thiề n, Lục Tổ không biế t chữ, ít được tiế p cận, xem Kinh giáo nhưng vẫn có thể đại ngộ và được truyề n y bát, từ đó đã phá quan niệm sai lầm cho rằng Thiề n tông chỉ phù hợp với các tâ ng lớp trí thức, và câ n phải có tri thức mới có thể tu hành, mà trái lại, văn tự, kiế n giải nê u chấ p nơi nó cũng là trở ngại lớn đố i với con đường tu hành của Thiề n tông. Từ hai vị Lục Tổ Huệ Năng và Ngọc Tuyề n Thâ n Tú đã hình thành nên hai tư tưởng Thiề n đố i lập nhau. Lục Tổ Huệ Năng đại diện cho Thiề n Nam tông chủ trương pháp đố n ngộ- cho rằng mọi người đê u có thể ngộ đạo mà không câ n phải trải qua nhiề u câ p bậc tu chứng, đó là cái ngộ nhanh chóng, siêu việt, ngay đó trực nhận được bản thể Phật tính của mình. Còn phía Ngọc Tuyề n Thâ n Tú đại diện cho Thiề n Bắ c tông thì chủ trương pháp Tiệm tu, cho rằng tu hành câ n phải trải qua nhiề u câ p bậc, thứ lớp khác nhau. Thời kỳ này cũng diễn ra sự tranh luận về vậ n đê thừa kế y bát và danh hiệu Tổ sư đời thứ sáu, phía các môn đệ Thâ n Tú trong Thiề n Bắ c tông tự đưa Thâ n Tú lên danh hiệu Lục Tổ Thiề n tông và phủ nhận sự truyề n thừa của Lục Tổ Huệ Năng. Cuối cùng, Thiề n sư Hà Trạch Thâ n Hội, môn đệ của Lục Tổ Huệ Năng đã lập pháp hội để xác định tông chỉ, tính chính thố ng của Thiề n Nam tông Lục Tổ Huệ Năng và chỉ trích những sai lầm, tiêu cực của Thiề n Bắ c tông Thâ n Tú và khiế n cho cả giới triề u đình đương thời khâm phục và công nhận Lục Tổ Huệ Năng là Thiề n tông chính tông. Thời này, tác phẩm tiêu biểu nhấ t là Pháp Bảo Đàn Kinh, ghi lại hành trạng và những lời dạy, tư tưởng Thiề n Đố n ngộ của Lục Tổ, đây cũng tác phẩm duy nhấ t được gọi là Kinh trong lịch sử Phật giáo của một vị Tổ sư, vì trước đó Kinh thường dùng để chỉ những ghi chép về lời dạy của Phật Thích-ca.

Thời kỳ Trung Thiền (700-900)

Dưới sự giáo hóa mạnh mẽ của Lục Tổ Huệ Năng, có hơn 33 người ngộ đạo làm cho Thiề n tông như ngọn lửa bắ t đầ u bùng lên một cách mạnh mẽ. Trong số những môn đệ đó, 5 người đã có ảnh hưởng nhấ t đố i với sự phát triển sau này của Thiề n tông là:

1. Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng
2. Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư
3. Thiền sư Nam Dương Huệ Trung
4. Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, tác giả bài Chứng đạo ca, Thiền Tông Vĩnh Gia tập.
5. Thiền sư Hà Trạch Thần Hội

Và đặc biệt, từ hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư đã sinh ra hai vị đệ tử xuấ t sắ c với phong cách giáo hóa Thiề n độc đáo là Mã Tổ Đạo Nhấ t và Thạch Đầ u Hi Thiên. Từ Mã Tổ, phong cách đánh, hét được ứng dụng vào Thiề n tông, và trở thành phương pháp đặc thù làm cho nhiề u người được khai ngộ, những môn đệ xuấ t sắ c như Bách Trượng Hoài Hải, Nam Tuyề n Phổ Nguyên, Tây Đường Trí Tạng, Ma Cồ c Bảo Triệt và hình thành nên Hô ng Châu Thiề n với lố i *Thiề n đại cơ, đại dụng*, với những đặc điểm giáo lý như: *Tâm bình thường là đạo*, hay *Tức Tâm là Phật*. Theo Mã Tổ, những hành động bình thường như *hoạt động thường ngày như khởi tâm động niệm, dương lông mày, chớp mắ t* đê u là Phật tính, sư được tôn xưng là Giang Tây Pháp chủ. Còn dưới tòa giáo hóa của Thiề n sư Thạch Đầ u, cũng sinh ra nhiề u vị Thiề n sư như Dược Sơn Duy Nghiễm, Thiên Hoàng Đạo Ngộ, Đan Hà Thiên Nhiên, sư cũng được tôn xưng là pháp chủ của một vùng. Thiề n sư Bách Trượng Hoài Hải là người đã đưa ra những Thanh quy để áp dụng sinh hoạt trong truyề n thố ng các Thiề n viện của Thiề n tông, khiế n cho Thiề n tông trở nên độc lập với nhiề u Tự viện riêng mà trước đó thường phải dựa vào các chùa thuộc Giáo môn, mà chủ yế u là Luật tông. Sư

cũng là người đã đề ra lối lao động ở trong các Thiền viện với phương châm nổi tiếng: *Một ngày không làm, một ngày không ăn* để tạo nên tinh thần chủ lực, tự túc, và cũng nhờ thế mà trong nạn diệt Phật của Đường Vũ Tông, trong khi nhiều tông phái bị ảnh hưởng nặng nề thì Thiền tông vẫn đứng vững và phát triển mạnh mẽ. Về sau, Thiền tông đã hình thành nên Ngũ gia Thất tông với những phương pháp tiếp dẫn người học khác nhau, nhưng mục đích tối thượng chung của những Tông này vẫn là minh tâm kiến tính, liễu thoát sinh tử:

1. Quy Ngưỡng tông, do môn đệ của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải là Quy Sơn Linh Hựu và đệ tử là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch sáng lập.
2. Lâm Tế tông, do Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền sáng lập.
3. Tào Động tông, do hai thầy trò Thiền sư Động Sơn Lương Giới và Tào Sơn Bản Tịch sáng lập.
4. Vân Môn tông, do Thiền sư Vân Môn Văn Yển, đệ tử của Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn sáng lập
5. Pháp Nhãn tông, do Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích, môn đệ của La Hán Quế Sâm sáng lập.

Về sau, Lâm Tế tông phát triển rực rỡ, sinh ra thêm hai Tông nữa là Dương Kỳ phái, do Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội sáng lập và Hoàng Long phái do Thiền sư Hoàng Long Huệ Nam sáng lập.

Từ đó Thiền tông bước vào thời kỳ hoàng kim, và lan rộng ảnh hưởng nhiều nơi ở Trung Quốc với những pháp hội Thiền tông, các cuộc Pháp chiến hùng hồn giữa các vị Thiền sư còn vang vọng đến ngày nay và làm cho nhiều người thích thú, và gây ấn tượng đối với các giới trí thức, quan lại thời bấy giờ như Tể tướng Bùi Hữu, tú tài Trương Chuyết, hay cư sĩ Bàng Uẩn, nhà thơ Bạch Cư Di.. họ đều là những người từng đến tham vấn nơi các vị thiền sư và được đại ngộ. Thời kỳ này cũng xuất hiện những bản Ngũ Lục, ghi lại hành trạng và ngữ lục của những vị Thiền sư danh tiếng như Mã Tổ Ngũ Lục, Lâm Tế Lục, Nam Tuệ Ngũ Lục... và cuốn Bách Trượng Thanh Quy ghi lại những quy tắc sinh hoạt trong Thiền viện Thiền Tông của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải.

Thời kỳ Nhà Tống (950-1300)

Trong thời kỳ này Thiền tông đã định hình một cách rõ rệt và phương pháp tu tập các công án Thiền bắt đầu được ứng dụng, đây là thời kỳ tiếp nối thời kỳ hoàng kim nhà Đường. Thời Tống, Thiền tông trở thành tông phái Phật giáo lớn nhất và có mối quan hệ sâu rộng với chính quyền. Đặc biệt, trong tông Lâm Tế, hình thức biên tập các tác phẩm bình luận, sưu tập về các công án bắt đầu nở rộ. Lúc này Quy Ngưỡng tông dần tàn lụi, Lâm Tế tông và Vân Môn tông vươn lên trở thành hai tông mạnh nhất thời kỳ này.

Trong thế kỷ 12, các tông phái trong Thiền Tông bắt đầu hệ thống hóa đường lối tu tập đặc thù riêng của tông mình, Thiền sư Hoằng Trí Chính Giác (1091-1157), Tào Động tông nhận mạnh đến phương pháp Thiền Mặc chiếu, chủ trương tọa Thiền để khai ngộ, phía Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163) thì đưa ra phương pháp Tham công án hay tinh giản hơn là Khán thoại đầu, chủ trương dùng công án, thoại đầu để gây phát khởi nghi tình và đạt kiến tính.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ,- Pháp Nhãn tông là người chủ trương hợp nhất Thiền tông và Tịnh độ tông và điều này cũng có ảnh hưởng nhiều đến Phật giáo đời sau. Sư cũng cùng lập trường với Khuê Phong Tông Mật và cho rằng giá trị của Đạo giáo, Nho giáo nên hòa nhập chung với Phật giáo, tức là tư tưởng Tam giáo đồng nguyên. Ngoài ra Thiền tông cũng có ảnh hưởng đến nhiều nhà nho học, đặc biệt là Tống Nho và một số phái của Đạo giáo như phái Toàn Chân giáo.

Các bộ sưu tập công án Thiền như Bích nham lục, Vô môn quan được biên soạn vào thời kỳ này, phản ánh tính chất văn học Thiền rất cao. Thiền tông trong thời gian này được truyền qua Nhật Bản qua nhiều vị Thiền sư thuộc tông Lâm Tế hoặc Tào Động, hoặc qua Triêu Tiên qua Thiền sư Tri Nột- người chịu ảnh hưởng từ Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo.

Cảnh Đức Truyền đăng lục là bộ sách ghi lại hành trạng, pháp ngữ của rất nhiều vị Thiền sư từ 7 vị phật quá khứ, 28 vị tổ Ấn Độ cho đến Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích, được cho là chứa đựng 1700 tác công án quan trọng của Thiền tông.

Thời kỳ hậu Tống

Đến thời nhà Nguyên, truyền thống sinh hoạt tu tập Thiền tông vẫn tiếp tục phát triển. Thời kỳ này, xảy ra sự kiện có nhiều vị đạo sĩ công kích, bài trừ Phật giáo và cuối cùng những người này bị dập tắt, Thiền tông trở thành tông phái lãnh đạo Phật giáo tại Trung Quốc, ví dụ như Thiền sư Tuyết Đình Phúc Dụ từng được vua nhà Nguyên đề cử lãnh đạo cả hai tôn giáo là Đạo giáo, Phật giáo thời bấy giờ. Thời kỳ này, Văn Môn tông dần suy tàn, còn Pháp Nhãn tông đã tuyệt hẳn truyền thừa tại Trung Quốc và vẫn còn tồn tại ở Triêu Tiên. Thiền sư Trung Phong Minh Bản là người đã phát triển và đưa Tông Lâm Tế đi lên qua những hoạt động truyền pháp và hệ thống phương pháp tu tập Thiền Đâu.

Thời nhà Minh, tuy Phật giáo bị triều đình kiểm soát rất gắt gao, Thiền tông vẫn đứng vững và tiếp tục duy trì truyền thống của mình, đến lúc này chỉ còn hai tông Lâm Tế và Tào Động, trong đó tông Lâm Tế phát triển mạnh mẽ nhất. Thời kỳ này diễn ra sự khôi phục trong hai tông này, các vị Thiền sư tông Tào Động và Lâm Tế chủ trương khôi phục và sáng tác những tác phẩm đề tôn vinh tông phái của mình lên. Nổi bật là Thiền sư Mật Vân Viên Ngộ chủ trương khôi phục lại các cơ phong của vị Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền như đánh, hét và còn nhiều vị Thiền sư khác như Vô Minh Huệ Kinh, Trạm Nhiên Viên Trừng, Bác Sơn Nguyên Lai, Hồ Ích Đài Nguyên Kính, Giác Lăng Đạo Thịnh, Ngọc Lâm Thông Tú, Vĩnh Giác Nguyên Hiên,... cũng có nhiều công lao trong việc khôi phục tông phái và mở rộng ảnh hưởng. Thiền sư Vân Thê Chu Hoảng và Hám Sơn Đức Thanh chủ trương Thiền-Tịnh song tu.

Thời này cũng diễn ra các cuộc tranh luận sôi nổi, có lúc lên tới đỉnh điểm, gay gắt giữa các Thiền sư thuộc hai tông Lâm Tế và Tào Động về các vấn đề truyền thừa, pháp hệ của Thiền tông, các quan điểm, đường lối thực hành Thiền tông. Ví dụ như cuộc tranh luận giữa Thiền sư Phí Ân Thông Dung-tông Lâm Tế (tác giả quyển Ngũ Đăng Nghiêm Thôn) về vấn đề pháp hệ của Tông Tào Động, pháp hệ của ngài Thiên Hoàng Đạo Ngộ Thiền sư (thầy tổ của hai tông Văn Môn, Pháp Nhãn) với các Thiền sư thuộc tông Tào Động. Để phản bác lại quan điểm của Thiền sư Phí Ân Thông Dung, Thiền sư Viễn Môn Tịnh Phù viết cuốn Biện Hoạch Biên, Thiền sư Bách Ngu Tịnh Lư viết cuốn Tịch Mậu Thuyết... Hay Thiền sư Hán Nguyệt Pháp Tàng (tông Lâm Tế) soạn bộ Ngũ Tông Nguyên, mạt sát, chỉ trích nặng nề Tông Tào Động, cực lực phản đối tông chỉ, giáo lý của Ngũ Gia Thất Tông, chủ trương phá chấp triệt để, cho rằng Thiền tông chỉ có một việc duy nhất là Phật Thích Ca nâng cành sen lên truyền pháp Thiền riêng cho tổ Ma-ha-ca-diếp. Dị thuyết của Thiền sư Hán Nguyệt khiến cho nội bộ các vị Thiền đức

Thiền tông tranh luận ồn ào, ngay cả các Thiền sư thuộc Tông Lâm tế như thầy của ông là Mật Vân Viên Ngộ, huynh đệ là Thiền sư Mộc Trân Đạo Mân cũng phải lên tiếng... Những cuộc tranh luận đại loại như thế này trong Thiền tông kéo dài từ cuối thời nhà Minh đến đầu giữa thời nhà Thanh. Đến thời nhà Thanh, cư sĩ Thiền tông là vua Ung Chính soạn cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục để phản bác, vạch ra các điểm sai lầm trong cuốn Ngũ Tông Nguyên của Thiền sư Hán Nguyệt Pháp Tăng và căm tuyệt việc lưu hành Ngũ Tông Nguyên.

Thời nhà Thanh, Thiền tông suy tàn, tuy nhiên vẫn duy trì được truyền thống tu tập Thiền Thoại đầu trong các thiền viện và tiếp tục lan sang như nước như Nhật Bản, Việt Nam.

Thời kỳ cận đại và hiện đại

Tại Trung Quốc, thời cận đại, Thiền sư Hư Vân, ngôi sao Bắc Đẩu của Thiền tông Trung Quốc, đã khôi phục các Thiền viện thuộc Ngũ gia Thất tông và chủ trương các sinh hoạt tự viện theo truyền thống của Thiền tông thời Minh, Thanh như: Tham Thoại Đầu, Thiền thất, tăng gia sản xuất Nông Thiền, tổ chức Tùng lâm theo tinh thần thanh quy của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải và truyền thống này vẫn được duy trì tại các thiền viện ở Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông cho đến ngày nay.

Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa Trung Quốc, Thiền tông và Phật giáo cùng nhiều tôn giáo khác ở Trung Quốc bị đàn áp mạnh mẽ, nhiều chùa chiền, đền miếu, tượng Phật bị phá bỏ, tăng ni bị tra tấn, đánh đập và bắt hoàn tục. Đến thời kỳ cải cách mở cửa, có nhiều ngôi chùa, thiền viện, tổ đình của Thiền tông đã được khôi phục lại.

Thiền tông Trung Quốc cũng được truyền sang phương Tây qua các thế hệ môn đệ của Thiền sư Hư Vân như Hòa thượng Tuyên Hóa, Thiền sư Thánh Nghiêm...

Thiền tông tại Việt Nam

Bài chi tiết: Thiền tông Việt Nam

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ rất sớm, trước cả Trung Quốc với trung tâm Phật giáo quan trọng tại Luy Lâu. Và theo đó, Thiền tông Ấn Độ cũng được truyền bá vào Việt Nam trước tiên, với các thiền sư như Mâu Tử, Khuông Tăng Hội, nổi danh tại Trung Quốc từ trước thời Bồ-đề-đạt-ma. Họ đều từng có nhiều năm tu tập tại Việt Nam trước khi truyền đạo tại Trung Quốc, chứng minh cho sự phát triển rực rỡ của Phật giáo tại Việt Nam ở thế kỷ thứ 2 và thứ 3. Tuy nhiên, các pháp thiền mà Khuông Tăng Hội truyền bá như An Ban Thủ Ý (thiền quán hơi thở) chỉ mang tính chất là Thiền Tiểu Thừa chứ không phải Thiền tông.

Thiền tông Trung Quốc được truyền sang Việt Nam lần đầu bởi Thiền sư Tì-ni-đa-lưu-chi, người gốc Ấn Độ, môn đệ Tam tổ Tăng Xán. Thiền phái này được truyền qua 19 đời và có ảnh hưởng rất sâu rộng đối với các tầng lớp dân chúng, quý tộc. Tư tưởng chính là chú trọng tu tập theo Kinh điển Đại Thừa, Lục Độ Ba La Mật và Trí tuệ Bát Nhã, các phương pháp Thiền Quán.



Thiền sư Hư Vân(1840-1959), ngôi sao Bắc Đẩu của Thiền tông Trung Quốc, thế kỷ 20.

Sau đó, đệ tử của Thiền sư Bách Trọng Hoài Hải là Vô Ngôn Thông (zh. 無言通, ?-826) sang Việt Nam truyền tông chỉ Thiền Nam tông của Lục Tổ Huệ Năng, với tính chất Dĩ Tâm Truyệ`n Tâm và chủ trương Đốn ngộ. Thiền phái này được truyền qua 17 đời và cũng có ảnh hưởng rất sâu rộng trong quần chúng và giới trí thức.

Vân Môn tông được Thiền sư Thảo Đường (zh. 草堂, thế kỷ 11), đệ tử của Tuyệt t Đâu Trọng Hiển truyền sang Việt Nam. Sư vô`n bị bắt làm tù binh khi vua Lý Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành đem về Thăng Long năm 1069, sau đó phát hiện ông là thiền sư liền được thả ra, ông đã thành lập phái Thiền Thảo Đường và vua đã phong ông làm Thảo Đường Quốc sư. Thiền phái Thảo Đường này chủ trương dung hợp giữa Phật giáo và Nho giáo nên rất gần gũi với các tầng lớp trí thức và quý tộc, điều này đã làm ảnh hưởng nhiều tới Phật giáo thời Trần.

Đến thời Trần, Trần Nhân Tông tham vấn Thiền với Tuệ Trung Thượng Sĩ được đốn ngộ Phật tính, sau đó nhường ngôi vua cho con và xuất gia, hoằng pháp với hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang đậm bản sắc của dân tộc Việt Nam. Là sự kết hợp và kế thừa Tư tưởng của ba thiền phái là Tì-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường. Ba vị tổ quan trọng nhất của Thiền phái này là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang.

Đến thế kỷ thứ 17, Tào Động tông được truyền sang Việt Nam qua Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt (zh. 通覺水月, 1637-1704), đời thứ 31^[1], tại Miền Bắc Việt Nam, ngài từng hành cước sang Trung Quốc tham học với Thiền sư Nhất Cú Trí Giáo và nối pháp tông Tào Động, chủ trương của dòng Thiền này là thuyết Động Sơn ngũ vị, Thiền Mặc chiếu. Tông Tào Động cũng được Thiền sư Thạch Liêm (zh. 石謙, 1633-1704), đời thứ 29^[1] truyền qua miền Trung Việt Nam, tuy nhiên Thạch Liêm ảnh hưởng và mang đậm tư tưởng Thiền Thoại Đầu của tông Lâm Tế và thuyết Tam giáo đồng nguyên.

Thời Lê Trung Hưng, Lâm Tế tông được hai thầy trò là Thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết và Minh Hành Tại Tại truyền vào Bắc Việt Nam. Từ thiền phái này đã sản sinh ra Thiền sư Chân Nguyên là người có công khôi phục dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Tông này cũng được Thiền sư Nguyên Thiệu Siêu Bạch và các môn đồ như Thiền sư Minh Hoằng Tử Dung truyền vào Miền Trung và ảnh hưởng lan rộng khắp Miền Nam Việt Nam. Thiền sư Liễu Quán Thiệt Diệu là người có ảnh hưởng nhất của dòng Thiền này.

Hơn 150 năm nay, Thiền tông tại Việt Nam về tư tưởng đốn ngộ và các phương pháp tu tập đặc thù như Thiền công án, Thoại Đầu bị suy tàn và gần như không còn ảnh hưởng mấy nữa, Thiền tông bị dung nhập và thay thế bởi Tịnh độ tông, các sư tự nhận mình thuộc pháp hệ ở các Thiền phái hầu như đều tu theo Tịnh độ hoặc Mật tông, họ hầu như không biết gì về lối Thiền của chư tổ và tông chỉ, phương pháp hành trì. Hiện nay, Hòa thượng Thích Thanh Từ là người chủ trương khôi phục lại tinh thần của phái Thiền Trúc Lâm và xây dựng nhiều cơ sở Thiền viện và dạy các tăng chúng tu tập theo phương pháp Thiền Tri Vọng của Thiền sư Phong Khuê Tông Mật (tổ thứ năm của Hoa Nghiêm tông), hay Lục Diệu Pháp môn của Thiền Thai tông. Và cũng có Thiền sư Thích Duy Lực (<http://tosuthien.com/gioi-thieu/tieu-su-hoa-thuong-thich-duy-lu>c), đệ tử Hòa thượng Thích Hoằng Tu, cao tăng người gốc Hoa sang Chợ Lớn, Sài Gòn hoằng pháp, thuộc dòng Tào Động hệ phái Cổ Sơn do ngài



Tháp Huệ Quang, nơi thờ xá lợi của Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Vĩnh Giác Nguyên Hiên sáng lập, chủ trương đào tạo các đệ tử theo phương pháp Thiền Thoại Đầu của tông Lâm Tế, khá thịnh hành tại miền Nam Việt Nam, các băng giảng, tài liệu về Thiền Thoại Đầu được xuất bản và đăng tải lên trên mạng rất nhiều và phù hợp đối với các hành giả những ai có hứng thú và ý nguyện muốn tu tập theo pháp môn này.

Thiền tông tại Triều Tiên

Bài chi tiết: Thiền tông Triều Tiên

Thiền tông được truyền vào bán đảo Triều Tiên từ thế kỷ 7-9 trong suốt triều đại Tân La khi 9 vị tăng sĩ của Triều Tiên (Đạo Nghĩa, Hồng Trắc, Phạm Nhật, Huệ Triết, Vô Nhiễm, Đạo Doãn, Trí Sân, Huyền Dục, Lợi Nghiêm) sang Trung Quốc tham học với các vị Thiền sư danh tiếng thời bấy giờ ở Trung Quốc như Mã Tổ Đạo Nhứt, Bách Trượng Hoài Hải, Nam Uyển Phổ Nguyên, Ma Côc Bảo Triệt, Tây Đường Trí Tang, Vân Cư Đạo Ứng. Sau khi ngộ đạo và trở thành những vị đại thiền sư danh tiếng, họ trở về Triều Tiên và thành lập 9 thiền viện đại diện cho 9 dòng pháp Thiền, gọi chung là Cửu Sơn Thiền (九山禪).

Thế kỷ thứ 10, Pháp Nhãn tông được truyền vào Cao Ly qua 36 vị cao tăng bản địa là đệ tử của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, mang tư tưởng kết hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông.

Đến thế kỷ 13, Thiền sư Tri Nột (1158 -1210) đã hợp nhất các tông phái Thiền bản địa trong hệ thống Cửu Sơn Thiền và hình thành nên tông Tào Khê, với chủ trương đường lối Kiển Tính Khởi Tu (tức là ngộ đạo tức khắc, tu tập dần dần theo sau), từ sự ảnh hưởng tư tưởng Thiền Thoại Đầu của Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo và Thiền Giáo hợp nhất của Thiền sư Khuê Phong Tông Mật. Đến nay, Thiền Thoại Đầu vẫn là phương pháp tu tập chính trong các thiền viện thuộc tông Tào Khê.

Vào thế kỷ 14, ba vị thiền sư là Bạch Vân Cảnh Nhàn, Thái Cổ Phổ Ngu, Lãn Ông Huệ Cản sang Trung Quốc tham Thiền và đạt đạo, tiếp nhận mạch truyền thừa Lâm Tế tông vào Triều Tiên. Đặc biệt nhất trong 3 vị này là Thiền sư Thái Cổ Phổ Ngu- sư là người có ảnh hưởng rất lớn trong Lịch sử Thiền tông Triều Tiên và vai trò to lớn trong việc xây dựng tông Tào Khê tại Triều Tiên. Dòng thiền của sư là dòng truyền thừa duy nhất trong tông Tào Khê cho đến ngày nay.

Dưới triều đại nhà Triều Tiên (1392-1919), số lượng tự viện và tăng ni bị giảm mạnh vì chính sách cấm đoán Phật giáo và đưa Khổng giáo lên làm quốc giáo. Phật giáo nói chung và Thiền nói riêng bị hạn chế hoạt động phạm vi chủ yếu ở rừng núi. Truyền thống tu tập Thiền công án, thoại đầu vẫn được truyền bá và duy trì trong Thiền viện thuộc tông Tào Khê với nhiều vị thiền sư ngộ đạo. Các thiền sư tông này cũng góp phần vào nền hòa bình và xã hội, nổi bật là hoạt động của Tây Sơn Đại Sư và đệ tử là Thiền sư Tứ Minh Đường (kr: Samyeongdang) trong việc kêu gọi và lãnh đạo các tăng sĩ đầu tranh chống quân xâm lược Nhật Bản và đàm phán giành độc lập vào cuối thế kỷ 16. Đến cuối thế kỷ 19, trước sự suy tàn của Thiền tông Triều Tiên, Thiền sư Cảnh Hư (Gyeongheo), vị Thiền sư tham Thiền tự ngộ (vô sư độc ngộ) nổi danh đã nỗ lực khôi phục và khơi lại truyền thống tu tập Thiền công án, Thoại Đầu và sản sinh ra bốn vị đệ tử nổi pháp xuất sắc là những người có vai trò chủ chốt đối với sự



Thiền sư- Quốc Sư Phổ Chiếu Trí Nột- Tổ của Thiền phái Tào Khê

phát triển của Phật giáo Triề`u Tiên hiện đại là Thiề`n sư Mãn Không (Mangong), Âm Quán (Suwol), Huệ Minh (Hyewol), Hán Nham (Hanam). Từ bộ`n vị thiề`n sư này đã đào tạo ra rấ`t nhiề`u vị pháp tử, pháp tôn là những Thiề`n sư ngộ đạo và hoặ`ng bá pháp môn Tổ sư Thiề`n tại Hàn Quố`c như Hiếu Phong Học Nột, Điề`n Cương Vĩnh Tín, Long Thành (Yongseong), Cửu Sơn (Kusan sunim)...

Trong thời Nhật chiế`m đóng (1910-1945), phong trào Tân Tăng được truyề`n bá vào Triề`u Tiên, nhà cai trị Nhật Bản bắ`t các tăng sĩ Triề`u Tiên phải cưới vợ và lập gia đình mới được vào chùa thực hiện sinh hoạt Phật giáo, và tình trạng phá giới bắ`t đầ`u diễn ra. Nhiề`u vị Thiề`n sư đã phản đố`i chính sách này và chủ trương đào tạo các vị thiề`n tăng theo tinh thầ`n nghiêm trì giới luật, điển hình là Thiề`n viện Tu Đức do Thiề`n sư Mãn Không hoặ`ng hóa với 300 vị thiề`n tăng nghiêm trì giới luật. Tinh thầ`n Phật giáo nhập thể` cũng được thể hiện rõ qua các hoạt động đầ`u tranh đòi độc lập dân tộc của các vị Thiề`n sư như Long Thành Thầ`n Chung (Yongseong), Vạn Hải (Manhae)...

Vào năm 1954, tổng thố`ng Lý Thừa Vãn và các Thiề`n sư thuộc tông Tào Khê yêu câ`u sự tách biệt giữa 300 vị tăng giữ giới và các vị sư đã kế`t hôn, lập gia đình. Sau đó 300 vị tăng độc thân này vẫn giữ tên là tông Tào Khê và thay đổi màu áo cà sa, còn các vị sư đã kế`t hôn thì lập một tông mới là tông Thái Cổ, cho phép các vị tăng được lấ`y vợ, dù không phải tấ`t cả họ đầ`u lấ`y vợ. Ngày nay, tông Tào Khê là tông phái mạnh nhấ`t với hơn 3000 ngôi chùa, nổi bật nhấ`t là 3 ngôi chùa trong Tam Bảo tự, hơn 10.000 tăng ni và hơn 9 triệu tín đồ`. Tiế`p theo là tông Thái Cổ với 8.000 tăng, ni và 3.100 ngôi chùa. Vị Thiề`n sư có ảnh hưởng nhấ`t trong thời hiện đại ở Hàn Quố`c là Thiề`n sư Tính Triệt (Seongcheol), người được coi là Phật số`ng thời Hiện đại của Phật giáo Hàn Quố`c. Thiề`n Đại Hàn cũng được Thiề`n sư Sùng Sơn Hạnh Nguyên (Seungshah; 1927-2004) truyề`n qua phương Tây với tên gọi là Thiề`n Quán Thê` Âm (Kwang Um School of Zen).



Thiền ni Đại Hằng (Daehaeng), vị nữ tu đặc đạo hiện đại của Hàn Quốc, người truyền bá Pháp môn Thiền tông cho tăng ni, cư sĩ.

Thiền tông tại Nhật Bản

Bài chi tiế`t: Thiề`n tông Nhật Bản

Trong các tông này thì có hai tông Lâm Tê` và Tào Động du nhập qua Nhật trong thê` kỷ 12, đầ`u thê` kỷ 13, đầ`n nay vẫn sinh động và còn ảnh hưởng lớn cho Thiề`n thời nay. Khoảng đầ`n đời nhà Tô`ng thì Thiề`n tông Trung Quố`c bắ`t đầ`u suy tàn và trộn lẫn với Tịnh độ tông trong thời nhà Minh (thê` kỷ 15). Trong thời gian đó, Thiề`n tông đúng nghĩa với tính chấ`t "dĩ tâm truyề`n tâm" được xem như là chấ`m dứt. Lúc đó tại Nhật, Thiề`n tông lại số`ng dậy mạnh mẽ. Thiề`n sư Đạo Nguyên Hi Huyề`n (zh. 道元希玄), người đã đưa tông Tào Động qua Nhật, cũng như Thiề`n sư Minh Am Vinh Tây (zh. 明菴榮西), Tâm Địa Giác Tâm (zh. 心地覺心), Nam Phồ` Thiệu Minh (zh. 南浦紹明) và nhiề`u vị khác thuộc phái Lâm Tê` đã có công thiế`t lập dòng Thiề`n Nhật Bản. Giữa thê` kỷ 17, Thiề`n sư Trung Quố`c là Ẩn Nguyên Long Kỳ (zh. 隱元隆琦) sang Nhật thành lập dòng Hoàng Bá, ngày nay không còn ảnh hưởng. Vị Thiề`n sư Nhật xuấ`t chúng nhầ`t phải kể là Bạch Ẩn Huệ Hạc (zh. 白隱慧鶴), thuộc dòng Lâm Tê`, là người đã phục hưng Thiề`n Nhật Bản trong thê` ki 18.

Thiền tông tại Phương Tây

Thiền tông chính thức truyền sang Hoa Kỳ do Thiền sư Thích Tông Diễn (zh. 釋宗演, ja. *shaku sōen*, cũng được gọi là Hồng Nhạc Tông Diễn 洪嶽宗演, ja. *kōgaku sōen*) vào năm 1893. Người có công rất lớn truyền bá rộng rãi Thiền tông ở các nước phương Tây lại là Suzuki Teitaro Daisetz (1870-1966), môn đệ của Thích Tông Diễn. Bộ "Thiền luận" ba tập (*Essay in Zen Buddhism*) do Daisetz Teitaro Suzuki viết đã rất thành công trong hai thập niên 1950 và thập niên 1960|1960. Đến nay, tác phẩm này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trong đó có bản dịch tiếng Việt. Hiện bản dịch này của Thích Tuệ Sỹ và Trúc Thiên có thể được tìm thấy trên mạng Internet ở một số website về Phật giáo.

Sau đó, Thiền tông cũng tiếp tục được truyền bá qua Mỹ, phương tây bởi các vị Thiền sư người Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó, quy mô nhiều nhất và có ảnh hưởng nhất là Thiền tông Nhật Bản, các đoàn người phương tây sang Nhật Bản học Thiền rất nhiều và các vị thiền sư Nhật Bản cũng khá nhiều. Nên Thiền tông phương Tây mang ảnh hưởng chính từ thiền tông Nhật Bản.

Một số dòng truyền Thiền tông tại Mỹ, Phương Tây:

- Tông Lâm Tế Nhật Bản:** được truyền sang Mỹ bởi các thiền sư người Nhật như Kyozan Joshu Sasaki, Eido Tai Shimano, Omori Sogen. Họ sáng lập nhiều thiền viện truyền bá Thiền tông và pháp môn tham công án khắp Hoa Kỳ.
- Tông Tào Động Nhật Bản:** được truyền sang Mỹ đầu tiên vào năm 1949 bởi Thiền sư Soyu Matsuoka- sư sáng lập Thiền viện Phật giáo ở Chicago. Đến năm 1959, Thiền sư Shunryu Suzuki sang Mỹ truyền bá Thiền và nhanh chóng thu hút được nhiều người Mỹ đến tham học, sư sáng lập Trung Tâm Thiền San Francisco và theo đó là một mạng lưới các trung tâm dạy Thiền dọc theo Hoa Kỳ. Ngoài ra cũng có Thiền sư Taisen Deshimaru đầu tiên truyền Thiền tông sang Pháp và sáng lập Hiệp Hội Thiền Quốc tế (*Association Zen Internationale*) và lan rộng ảnh hưởng ra khắp nhiều nước phương tây.
- Sanbo Kyodan:** đây là một dòng pháp do Thiền sư Tổ Nhạc Nguyên Điền (Harada Daiun Sogaku; 1871–1961) và đệ tử là Thiền sư Bạch Vân An Cốc (Yasutani Hakuun; 1885–1971) đề xướng vào thời cận đại, với chủ trương kết hợp và duy trì các giá trị Thiền học cũng như pháp tu của hai tông Lâm Tế và Tào Động như việc thực hành song song giữa Thiền công án và Chỉ Quán Đả Tọa. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Thiền sư Bạch Vân An Cốc là *Ba Trụ Thiền* (*The Three Pillars of Zen*) viết về đường lối thực hành Thiền và các bài pháp thoại Thiền đã được đệ tử người Mỹ là Philip Kapleau biên tập, xuất bản đã thu hút, gây ảnh hưởng lớn đối với các hành giả Phật giáo khắp thế giới. Thiền sư Taizan Maezumi- đệ tử nổi pháp của Bạch Vân An Cốc từng lãnh đạo nhiều phong trào tập thiền, tọa thiền cho các thiền sinh người Mỹ và sáng lập trung tâm Thiền Los Angeles, và sau đó là sáng lập học viện Phật giáo Kuroda, Hiệp hội Phật giáo Thiền tông Tào Động Nhật Bản.
- Thiền tông Trung Quốc:** phong cách Thiền tông Trung Quốc cận đại đã được Thiền sư Tuyên Hóa- đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hư Vân truyền sang Mỹ, sư sáng lập trung tâm Vạn Phật Thánh Thành để đào tạo tăng sĩ, truyền bá Phật Pháp. Ngoài truyền bá Thiền tông, Hòa Thượng Tuyên Hóa cũng chủ trương dạy Tịnh Độ, Mật Chú và rất đề cao, nghiêm trì về lối sống giới luật trong tăng đoàn. Ngoài ra cũng có Thiền sư Thánh Nghiêm- người nối tiếp truyền thống của cả hai tông Lâm Tế và Tào Động, đệ tử đời thứ 3 từ Thiền sư Hư Vân sang Mỹ dạy Thiền lần đầu vào năm 1978 dưới sự bảo trợ của Hiệp Hội Phật giáo Hoa Kỳ. Năm 1980, Thiền sư Thánh Nghiêm sáng lập Trung Tâm Thiền Xã Hội ở Queens, New York.



Thiền sư Đạo Nguyên Hi Huyền

5. Thiền tông Hàn Quốc: Thiền phái Tào Khê Hàn Quốc được Thiền sư Sùng Sơn (Seung Sahn) truyền sang Hoa Kỳ vào năm 1972. Sư từng truyền bá Thiền và trụ trì khắp Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản. Tại Hoa Kỳ, sư sáng lập trung tâm thiền Providence Zen Center với hơn 100 trung tâm thiền chi nhánh trên khắp thế giới. Ngoài ra cũng có một số vị Thiền sư Hàn Quốc khác truyền bá Thiền và sáng lập nhiều thiền viện như Samu Sunim, Hyeam,...

Các thực nghiệm Thiền cũng đã thay đổi để đáp ứng tư tưởng và bản năng người Tây phương. Khái niệm Zen đối với người Tây phương chẳng những đã không còn xa lạ mà còn thâm nhập cả vào nếp sinh hoạt. Hàng trăm tác phẩm văn hóa, khoa học, nghệ thuật, triết lý và thiết kế đã đặt thêm chữ "Zen" vào trong tựa đề.

Đặc điểm

Thiền bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng đã trở thành một tông phái độc lập khi được truyền sang Trung Quốc, đặc biệt là sau thời của Lục tổ Huệ Năng. Nơi đây, Thiền tông đã hấp thụ cốt tuỷ của nền văn hoá, triết lý Trung Quốc. Nhà Ấn Độ học và Phật học người Đức Hans Wolfgang Schumann viết như sau trong tác phẩm *Đại thừa Phật giáo (Mahāyāna-Buddhismus)*:

"Thiền tông có một người cha Ấn Độ nhưng đã chẳng trở nên trọn vẹn nếu không có người mẹ Trung Quốc. Cái 'dễ thương', cái hấp dẫn của Thiền tông chính là những thành phần văn hoá nghệ thuật, những đặc điểm sắc thái riêng của Trung Quốc, không phải của Ấn Độ. Những gì Phật giáo mang đến Trung Quốc — với tư tưởng giải thoát tuyệt đối, trình bày một cách nghiêm nghị khắt khe với một ngón tay chỉ thẳng — những điều đó được các vị Thiền sư thừa nhận, hấp thụ với một nụ cười thâm lặng đầy thi vị. Thành tựu lớn lao của các Đại luận sư Ấn Độ là nhét 'con ngỗng triết lý' vào lọ, thì — chính nơi đây, tại Trung Quốc — con ngỗng này được thả về với thiên nhiên mà không hề mang thương tích."

Thiền, như các vị Thiền sư nhậm mệnh, là trở về với tự nhiên, không hẳn là sự phản đối truyền thống như những học giả sau này thường xác định. Thiền tông phản bác, vứt bỏ những nghi thức rườm rà, những bài luận khó hiểu, bất tận nhưng không phủ nhận nội dung, tinh hoa của chúng. Thiền tông chính là sự tổng hợp độc đáo của hai giáo lý, hai học thuyết nền tảng của Đại thừa Ấn Độ, đó là *Trung quán* (zh. 中觀, sa. *mādhyamika*) và *Duy thức* (zh. 唯識, sa. *vijñānavādin*). Người ta có thể hiểu phần nào những hành động, lời nói, phương pháp hoá ứng thân "mâu thuẫn", "ngịch lý" của các vị Thiền sư nếu nắm được giáo lý của Trung quán và Duy thức. Trong các tập *công án* của Thiền tông, người ta có thể nhận ra hai loại:

- Những công án xoay quanh thuyết **Thật tướng** (zh. 實相) của Trung quán tông (sa. *mādhyamika*), tức là tất cả đều là *Không* (sa. *sūnyatā*). Công án danh tiếng nhất với thuyết tính Không là Con chó của Triệu Châu (*Vô môn quan* 1): Tăng hỏi Triệu Châu: "Con chó có Phật tính không?" Triệu Châu trả lời: "Không!" (vô 無).
- Những công án với khái niệm **"Vạn pháp duy tâm"** (zh. 萬法唯心, sa. *cittamātra*) của Duy thức tông. Một công án danh tiếng theo thuyết Duy thức (*Vô môn quan* 29): Hai ông tăng cãi nhau về phước (một loại cờ). Một ông nói: "Phước động", ông kia nói: "Gió động", và cứ thế tranh cãi. Lục tổ Huệ Năng liền nói: "Chẳng phải gió, chẳng phải phước, tâm các ông động". Nghe câu này, hai vị giật mình run sợ.

Nghệ thuật Thiền tông

Nền nghệ thuật của Phật giáo khi truyền sang Phương Đông, đối với các phương diện văn hóa, tư tưởng, văn nghệ... của Trung quốc và Nhật bản có ảnh hưởng rất lớn, trong đó, đặc sắc nổi bật nhất là ảnh hưởng của Thiền tông đối với nền nghệ thuật của 2 nước này.

Tại Trung Quốc

Tổ Bồ Đề Đạt Ma là người đầu tiên truyền bá võ thuật Thiếu Lâm cho các nhà sư tại Chùa Thiếu Lâm và trở thành một trong những tinh hoa võ học ở Trung Quốc. Võ thuật Thiếu Lâm sử dụng các bài tập do Tổ Đạt Ma truyền dạy, về sau có kết hợp thêm các bài tập thể dục của Đạo Giáo và luyện Khí công. Công phu võ thuật thiếu lâm phát triển mạnh từ thế kỷ 12 và cũng được coi là một cách tu luyện tâm. Võ thuật Thiếu Lâm được đánh giá chung là mang tính trị liệu, tăng cường nội lực, sức khỏe, tuổi thọ và thực hành tu tập tâm linh.



Hai vị đại sư chùa Thiếu Lâm biểu diễn võ thuật

Tư tưởng hàm súc, ngắn gọn, sắc bén, siêu nhiên độc lập của Thiền tông đã mở ra cho nền hội họa của Trung quốc 1 thứ họa phong Thiền với những nét chấm phá có khí vận đặc biệt. Trong khoảng thời gian 500 năm từ đời Đông Hán đến đời Lục triều, có các họa sĩ Trương Tăng Diêu, Cố Khải chi, Lục Thám Vi, Tông Thiếu Văn... là những người mở đường cho Mặc hí, Họa thiền.

Thiền họa chính thức bén rễ vào đời Đường, chia làm 2 trường phái Thiền họa chính là Nam Tông và Bắc Tông.

1. Phái Bắc Tông: do cha con họa sĩ Lí Tư Huấn đứng đầu, nét vẽ chĩnh tề, tinh tế, màu sắc đậm đà, vừa trang nghiêm vừa diễm lệ.
2. Phái Nam Tông: do nhà thơ, cư sĩ Vương Duy khởi xướng. Vương Duy là người sáng lập trường phái Bát mặc sơn thủy. Kế thừa trường phái này có họa sĩ Trương Tảo và Vương Mặc. Nét vẽ tinh mịch, nửa hư nửa thực

Đến đời Tô ng, Thiền họa đạt đến cảnh giới hư linh rỗng rang, tâm vật hợp làm một, phong cách vẽ siêu nhiên tượng ngoại, vận dụng những khoảng trống. Nghệ thuật được dùng để diễn đạt cảnh giới, kinh nghiệm giác ngộ, vắng lặng rỗng rang.

Sang đời Nguyên thì Thiền họa lấy nét tiêu sơ phóng khoáng làm thời thượng. Không những trong lĩnh vực hội họa và kĩ xảo hội họa được đẩy đủ hơn mà còn kiến lập lí luận hội họa có tính cách hệ thống. Đến thời Minh- Thanh, Thiền tông bị suy tàn tại Trung Quốc, hội họa Thiền cũng dần lắng xuống. Hội họa thời kỳ này chủ yếu là dựa theo nền tảng của các thời trước, không có gì sáng tạo thêm, nhưng về mặt nghiên cứu, lý luận thì có phần sâu xa bao quát hơn.

Trong những thế kỷ gần đây, Thiền tông bị phai mờ và không phục hưng lại được nên nền nghệ thuật hội họa Thiền cũng vắng vẻ và ít được chú ý.

Tại Nhật Bản

Nói một cách đại khái, nghệ thuật Nhật bản chịu ảnh hưởng của Thiền tông sâu rộng hơn so với Trung quốc, tất cả mọi lĩnh vực như hội họa, hát tuồng, nghệ làm vườn (vườn Thiền), trà đạo, kiến trúc, kịch nghệ, kiến trúc, nghệ bắn tên, cắm hoa... đều chịu ảnh hưởng của Thiền. Văn hóa Thiền được truyền vào Nhật bản từ thời kỳ Liên Thương, và dung hợp với tư tưởng Vũ gia Nhật Bản và thu hút được sự quan tâm và tiếp nhận của quần chúng.

Nền mỹ thuật cuối thời Liên thương đến đầu thời Thất đỉnh thì lấy hội họa làm chính. Mỹ thuật Thiền tông ở thời kỳ đầu lấy chân dung các Tổ sư, những nhân vật tông giáo và Đỉnh tướng họa (vẽ hình tượng các vị cao tăng Thiền tông) làm chủ yếu.

Từ thời Liên thương về sau, một loại Thiền cơ họa dần dần thịnh hành, tức đem cái Thiền cơ mà mình đã thể ngộ được vẽ lên bức tranh để tạo hình hóa và cụ thể hóa cái tinh thần của Thiền; đồng thời, từ trong tự nhiên quan và sinh hoạt của Thiền tông dần dần diễn dịch thành một loại tranh sơn thủy mới, tức sử dụng màu mực và đường nét đơn giản và dùng kỹ xảo không bạch (khoảng trống) để ngụ ý cảnh của Thiền trong bức tranh mộc mạc, đơn sơ. Lại vì chịu ảnh hưởng cách vẽ một góc của nhà hội họa Mã viễn đời Nam Tống, Trung quốc, nên đã hình thành đặc trưng của một loại hội họa so le không đều, không câu nệ hình thức mà về sau đã trở thành dòng chính của nghệ thuật Thiền tông Nhật bản.

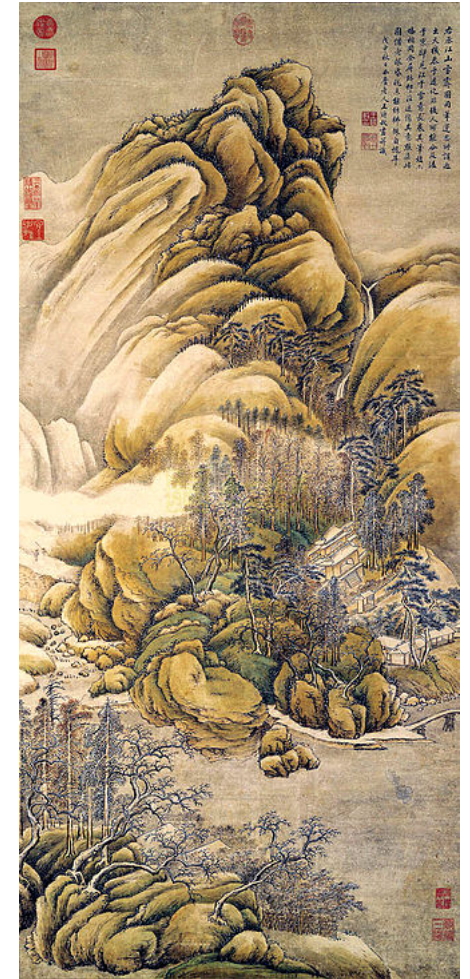
Thiền sư Minh Am Vinh Tây là người đầu tiên đem giống trà ở Trung Quốc về Nhật Bản và trồng tại chùa mình. Sư cũng là người viết cuốn "Khiết Trà Dưỡng Sinh Ký" nói về việc uống trà và lợi ích của nó đối với sức khỏe, tu luyện tinh thần. Trà Đạo trở thành một phần chính của nền văn hóa Nhật Bản với sự dung hợp các triết lý của Thiền tông, và là nét sinh hoạt tự nhiên trong đời sống người dân Nhật Bản.

Trong nghệ thuật kịch nói truyền thống thì những lời đối thoại ngắn gọn, trong sáng, sâu sắc và bố cục cảnh đơn thuần cũng đều ngầm bao hàm triết lý Thiền. Đối với văn học hát bộ nổi tiếng lại càng có ảnh hưởng sâu xa của Thiền, đại biểu là tác phẩm của Ba tiêu-một thi nhân vĩ đại sống vào thế kỷ XVII. Ngoài ra như kiến trúc, kiến trúc, nghệ thuật bắn tên... cũng thế, hễ nghệ thuật nào được sự khơi mở của Thiền thì đều do đặc tính của chính nghệ thuật ấy mà biểu hiện sự sống động và hoạt bát.

Xem thêm: Trà Đạo Nhật Bản, Vườn Nhật

Phương pháp tu tập

Chỉ thẳng vào tâm



Tranh họa của Thi Phật Vương Duy

Trong lịch sử Thiền tông, có nhiều vị Thiền sư hành động kỳ lạ và trái với bình thường để làm cho người tham học được ngộ như đánh, hét, mắng chửi, dựng phất tử... hoặc thông qua hỏi đáp mà được khai ngộ. Vị thầy là người đã triệt ngộ có khả năng quán xét tâm của người học và đưa ra những phương thức chỉ dạy phù hợp để làm cho người đó ngộ, nếu không hợp cơ duyên, vị thầy sẽ chỉ người học đến nơi khác tham vấn, những phương pháp này tuy lời nói, hành động có khác nhưng cũng giống như việc Đức Phật niêm hoa thị chúng vào 2500 năm trước không khác. Hoặc cũng có nhiều vị tự ngộ trong lúc đang tu tập, như Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn nghe tiếng từ bụi tre phát ra mà ngộ, Thiền sư Linh Vân Chí Càn thấy hoa đào nở mà ngộ, Thiền sư Động Sơn Lương Giới thấy bóng mình dưới nước mà ngộ. Kỳ thật thiền không có một bất kỳ hình thức tu tập đặc thù nào như các tông phái khác, các vị Thiền sư như những vị thầy thuốc tùy bệnh mà cho thuốc, hay tùy ổ khóa mà dùng chìa khóa phù hợp để mở cửa. Các Thiền sư cũng là người phá chấp, phá bỏ những tâm tư, tư tưởng dính chặt trong lòng người học để giúp họ khai ngộ, như công án Đan Hà thiền Phật giáo, Hoàng Bá đánh Sa di vì không chịu lễ bái...

Các công án nói về những đề tài này rất nhiều, đặc biệt trong bộ "Cảnh Đức Truyền đăng lục" được truyền tụng là ghi lại 1700 công án có đủ các loại cơ phong giáo hóa thiện xảo của các bậc Thiền sư.

Một số công án điển hình về những phương thức giáo hóa đặc biệt này: Thiền sư Triệu Châu dùng những lời nói ôn hòa, dịu dàng làm cho người ngộ ngay trong hiện tiền:

Vị tăng đến tham vấn Thiền sư Triệu Châu Tông Thâm, Tăng nói: *Con vừa mới đến, xin thầy từ bi chỉ dạy!*

Triệu Châu hỏi: *Ông đã ăn cháo chưa?*

Tăng đáp: *Con đã ăn cháo rồi!*

Triệu Châu bảo: *Đi rửa bát đi.*

Vị tăng nghe câu này xong liền đại ngộ.

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền dùng cơ phong đánh, hét mạnh mẽ để khai thị cho người:

Có Thượng tọa Định đến tham vấn, hỏi: *"Thế nào là đại ý của Phật Pháp?"*

Lâm Tế xuống thiền sàng, nắm chặt Thượng tọa Định rồi cho một bạt tay, liền xô ra.



Vườn Thiền Nhật Bản tại Komyozenji



Bức họa Bồ Đại đi thuyền của Thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc

Định đứng chung hững. Vị tăng bên cạnh nói: "*Thượng-tọa Định sao không lễ bái?*". Định vừa lễ bái, hoá nhiên đại ngộ.

Thiền công án, thoại đầu

Thiền công án là một trong các phương pháp thực hành tu tập Thiền tông còn tồn tại đến ngày nay. Công án có thể là những đoạn kinh văn đáp giữa Phật với Bồ Tát hay các vị đệ tử, hay là những đoạn đối thoại giữa Thiền sinh và các vị Thiền sư, các vị Thiền sư với nhau, hoặc cả những lời nói, thượng đường thuyết pháp của các ngài. Thoại đầu là chỗ trọng yếu, tâm điểm của công án, thường là một chữ duy nhất hay các câu nói, ví dụ như trong công án *Con chó của Triệu Châu*, thoại đầu chính là năm ở chữ Vô, hay trong các tụng lâm Thiền tông xưa thường sử dụng các câu thoại đầu phổ biến để tu tập như: *Muôn pháp về một, một về chỗ nào?*, *Chẳng phải Tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?*.... Một công án có thể có nhiều thoại đầu khác nhau và thoại đầu thường chỉ có một chữ duy nhất. Công án, thoại đầu bắt đầu được sử dụng phổ biến vào thời Tống, đặc biệt ở trong Tông Lâm Tế, để đối lại với khuynh hướng khẩu đầu thiền, tức là các vị tăng chỉ xem trọng việc đọc thuộc, ghi nhớ những hành động, lời đối đáp của các vị Thiền sư để thể hiện rằng mình đã ngộ, tăng cao ngã mạn, biến Thiền thành trò chơi phạm học, mà không chú trọng đến việc chân thật liễu ngộ. Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo trong tông Lâm Tế là người tích cực đề xướng và có ảnh hưởng nhất đối với hệ thống Thiền công án, Thoại đầu, sư thường viết thư để đáp về văn đề thực tập Tham Thiền cho các đệ tử, cư sĩ. Việc dùng công án, thoại đầu trong tu tập để cắt đứt tất cả mọi lý luận, kinh nghiệm do ghi nhớ, hiểu biết, thấy nghe mà có được, chỉ chuyên tâm vào một mô hình nghi tình duy nhất, đến khi cơ duyên chín mùi thì khởi nghi tình bùng vỡ, liền khai ngộ được Phật tính của chính mình xưa nay, công án, thoại đầu càng bí hiểm, nan giải bao nhiêu thì càng dễ kích thích phát khởi nghi tình mạnh mẽ bấy nhiêu.

Thông thường, tổng số Công án là một nghìn bảy trăm tám mươi, nhưng thực tế thì chưa hẳn đã đúng con số một nghìn bảy trăm, mà được dùng một cách phổ biến thì chỉ độ năm trăm tám mươi mà thôi, ngoài ra, hoặc là trùng lặp, hoặc chỉ có ít giá trị tham cứu. Lúc đầu, Thiền tông chỉ có Ngũ lục, về sau, sách Ngũ lục mỗi ngày một nhiều, nên các ngữ lục mới được lựa chọn và biên tập thành sách Công án. Những bộ công án tiêu biểu có kèm theo những lời bình, kệ tụng của các vị Thiền sư như quyển Vô Môn Quan, Bích Nham Lục, Thung Dung Lục.. khá phổ biến và được ứng dụng tu tập rất rộng rãi.

Theo như Thiền sư Trung Phong Minh Bản thì Công án, thoại đầu có 5 nghĩa trọng yếu như sau: 1. Làm công cụ cho sự ngộ Thiền, 2. Làm phương pháp khảo nghiệm, 3. Làm khuôn phép cho đời sau nương tựa, 4. Làm vật tin cho sự ấn chứng, 5. Làm tiêu điểm cùng tột.

Điều kiện tiên quyết để đạt được giác ngộ thông qua phương pháp tham công án, thoại đầu là ba yếu tố sau:



Thư pháp chữ Vô trong công án nổi tiếng *Con chó của Thiền sư Triệu Châu*.



Công Án Thiền Con Vịt Một Chân (Tịnh Vân Thiền Thoại)

1. Đại Tín căn: lòng tin chân thật, sâu sắc về nhân quả, lời dạy của chư Phật xuất phát từ tự tâm chính mình, tin rằng mình và tất cả chúng sinh đều có phật tính, đầy đủ công đức, trí huệ bình đẳng như mười phương chư phật, chỉ do vọng tưởng nên mới luân luân hồi, ngộ tự tính thì liền được thành Phật.
2. Đại Nghi Đoàn: mối nghi tình chân thật, sâu đậm, mạnh mẽ, lia tư duy, suy nghĩ hiểu biết của dòng ý thức.
3. Đại Phán Chí: lòng kiên trì, quyết tâm nỗ lực dụng công phu tu hành, tham thiền cho đến khi liễu ngộ mới thôi. Trong quá trình tu tập không được vì khó nhọc, gian nan mà thối lui.

Một số lời khai thị của Tổ sư về pháp môn Thiền công án, thoại đầu:

Công phu có thuân thực hay không thuân thực, nghi tình có khởi hay không khởi. Người xưa nói: "Tham thiền không bí quyết, chỉ cần sanh tử thiét". Một cái tâm vì việc lớn sanh tử nầy của ông chí thiét chí chân, chỉ từ trên cái tâm chân thiét đề u là nghi tình, tự nhiên chẳng cần buông bỏ hay bày đặt. Làm lâu ngày, cái tâm thiét tha vì sanh tử chẳng gián đoạn thì đầu đuôi sâu suốt, thì còn có pháp nào có thể làm chướng ngại!

— Thiền sư Trung Phong Minh Bản, Trung Phong Pháp Ngữ, Ht Thích Duy Lực dịch

Tham thiền đầu tiên cần phải phát tâm phá vỡ sanh tử cho vững chắc, thấy rõ thế giới, thân tâm thấy đề u là giả duyên không có chủ thể. Nếu chẳng phát minh cái lý vĩ đại sẵn có thì tâm sanh tử chẳng vỡ. Tâm sanh tử đã chẳng vỡ thì làm sao trừ được con quỷ vô thường giết người trong mỗi niệm chẳng dừng. Hãy đem một niệm này làm viên ngói gỗ cửa, tương tự như ngói i trong đống lửa lớn muốn cần u thoát ra, đi bậy một bước chẳng được, dừng lại một bước chẳng được, sanh một niệm khác chẳng được, mong người khác cứu chẳng được. Ngay lúc ấy chỉ cần chẳng màng đến lửa lớn, chẳng màng đến thân mạng, chẳng mong người cứu, chẳng sanh niệm khác, chẳng chịu tạm dừng, chạy thẳng đến trước, chạy được thoát mới là tay tài giỏi. Tham thiền quý ở chỗ khởi nghi tình. Cái gì là nghi tình? Như sanh chẳng biết từ đâu đến, chẳng được chẳng nghỉ chỗ đến. Từ chẳng biết đi về đâu, chẳng thể chẳng nghỉ chỗ đi. Cửa ai sanh tử chẳng phá vỡ ắt nghi tình liền phát, treo ở trên lông mày, buông cũng chẳng xuống đuôi cũng chẳng đi. Bỗng một mai đập vỡ khóa nghi, hai chữ sanh tử thành cái đồ tầm thường trong nhà. Cổ Đức nói: "Nghi lớn ngộ lớn, nghi nhỏ ngộ nhỏ, chẳng nghi chẳng ngộ".

— Thiền sư Bác Sơn Nguyên Lai, Tham Thiền Cảnh Ngữ

Khán thoại đầu trước cần phải khởi nghi tình, đó là chỗ nương nhờ của pháp khán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi niệm Phật là gì? Người người đề u biết chính mình niệm. Nhưng là miệng niệm hay tâm niệm? Nếu thật miệng niệm, khi ngủ mê vẫn có miệng sao không niệm? Nếu thật tâm niệm, tâm hình dáng thế nào, lại không có chỗ nơi sờ mó? Nhân chỗ không rõ này, trên chữ gì phát khởi niệm nghi nhẹ nhàng tế nhị, không cho thô, càng tế càng tốt. Tùy thời tùy chỗ chăm chú chiếu u cố quyết chí nơi niệm nghi này, giống như dòng nước không có chỗ đoạn, không sanh hai niệm. Nếu niệm nghi còn thì không cần để ý đến nó, niệm nghi

nếu mất lại nhẹ nhàng đề khởi lên. Khi mới dụng tâm thì trong tịnh, trong động so sánh rất đặc lực. Nhưng cốt không sanh tâm phân biệt, không quan tâm đến đặc lực hay không đặc lực, không chú ý trong động hay trong tịnh, ta chỉ nhất tâm, nhất ý dụng công là tốt.

— Thiền sư Hư Vân, Hư Vân Pháp Ngữ

Tăng hỏi: Con dụng công tham thiền luôn luôn chẳng lìa cái này(tức thoại đầu), như tham niệm Phật là ai, đi, đứng, nằm, ngồi suốt ngày cũng chẳng lìa câu "niệm Phật là ai?" này, tại sao dụng công nhiều năm mà chẳng minh tâm kiến tính? Thiền sư Nguyệt Khê nói: Ông dụng công như thế là niệm thoại đầu, chẳng phải tham thoại đầu, tham thoại đầu phải hướng vào nội tâm tham cứu, tức là khởi nghi tình, đâu phải dùng miệng niệm mà được kiến tính, Phật tính vốn là Phật, Phật chẳng niệm Phật, nay ông nên dùng cái tư tưởng niệm thoại đầu này hướng vào chỗ Phật chẳng niệm Phật nhìn thẳng đi, xem coi là cái gì, đi, đứng, nằm, ngồi chỗ nên gián đoạn, một hôm hãm sâu vô minh bị phá tan, liền được kiến tính.

— Thiền sư Nguyệt Khê, Cội Nguồn Truyền Thừa và Thiền Thất Khai Thị Lục

Đợi với việc thực hành Thiền tông, mỗi hành giả chỉ nên chọn cho mình một công án hay câu thoại nào đó và kiên trì ứng dụng tu cho đến Kiến Tính. Công án, câu thoại càng nan giải, khó hiểu, càng thân thiết với bản thân mình bao nhiêu thì càng tốt cho công phu tu hành bấy nhiêu, vì nó lìa tâm ý thức tìm hiểu của bộ não- vốn là nguồn gốc của sinh tử luân hồi. Vài trăm năm trở lại đây, trong nội bộ Tông Lâm Tế Nhật Bản có diễn ra tình trạng tệ nạn trong việc tu tập công án, thoại đầu ở một số nơi. Người ta không còn chú ý đến việc thật tu liễu ngộ nữa mà chỉ là tìm câu trả lời cho công án, giải đáp càng nhiều công án càng tốt, một người đệ tử sau khi hoàn thành đầy đủ câu trả lời đợi với tập công án mà thầy trao sẽ được công nhận việc hoàn thành tu Thiền và trở thành Thiền sư, Lão sư (ja: Roshi). Điều này đã làm ảnh hưởng xấu đến việc thực hành Thiền tông và bị các thiền sư khác ở Nhật Bản, Hàn Quốc chỉ trích mạnh mẽ đường lối tu sai lầm này. Vì giải đáp, tìm đáp án của công án chỉ đưa đến việc tăng thêm tri kiến, hiểu biết về công án chứ không giúp hành giả đạt đến Kiến Tính mà trái lại, còn làm cho người tu bị chướng ngại, chấp ngã vào những tri kiến, hiểu biết của mình.

Đến nay, Thiền công án, thoại đầu vẫn là phương pháp tu hành phổ biến ở tại các Thiền đường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, và được các Thiền sư Nhật Bản, Hàn Quốc truyền bá sang phương Tây vào thế kỷ 20, 21 và có nhiều người tìm hiểu và ứng dụng tu tập.

Thiền mặc chiếu

Mặc Chiếu Thiền (默照禪) hay còn gọi là Hoả Ng Trí Thiền (宏智禪) được Thiền Sư Hoả Ng Trí Chính Giác khởi xướng tại Trung Quốc đời Tô Ng. Mặc là lặng yên, chuyên tâm ngộ thiền; Chiếu là dùng trí quán chiếu tâm tính linh tri xưa nay vốn thanh tịnh. Thiền Sư Chính Giác cho rằng thực tướng tức là tướng mà vô tướng, chân tâm tức là tâm mà vô tâm, chân đặc tức là đặc mà vô đặc, chân dụng tức là dụng mà vô dụng, cho nên ngài chủ trương "tọa không trừn lự"(ngồi mà không suy tư) để yên lặng quán chiếu, không cần phải câu đại ngộ, chỉ tọa thiền với thái độ vô sở đặc, vô sở ngộ. Mặc chiếu Thiền bị Thiền Sư Đại Huệ Tông Cảo thuộc Lâm tế tông bài bác, đả kích mạnh mẽ và chê bai bằng những từ ngữ như: Mặc chiếu tà thiền, Vô sự thiền, Khô mộc tử khôi thiền (Thiền cây khô tro lạnh)...Sự việc này là do sự khác biệt giữa

thiền phong của Thiền sư Tông Cao và Thiền sư Chính Giác. Thiền Sư Đại Huệ đề xướng việc tham cứu, khán thoại các công án của cổ nhân để khế nhập Phật tính triệt ngộ cho nên phê phán việc Thiền Sư chính giác dạy chủ trương im lặng ngộ i thiền xoay mặt vào vách mà bỏ việc tham ngộ tu chúng.

Để phản bác ý kiến của Thiền Sư Đại Huệ thì thiền sư Chính giác soạn 1 bài minh "Mặc chiếu" (toàn bài gồm 72 câu, mỗi câu 4 chữ, tất cả có 288 chữ) để phản bác, cho rằng tọa thiền im lặng có công năng làm cho tác dụng của trí tuệ được hoạt bát, tự nhiên chiếu suốt tự đáy nguộn tâm tính, là Thiền chân thực, chính truyền của Phật Tổ; trong văn cũng chép pháp Thiền "Khán thoại đầu" của thiền sư đại huệ là chỉ chấp chặt vào công án mà thôi.

Tuy nhiên giữa Thiền Sư Đại Huệ và Thiền Sư Chính Giác có mối thâm giao pháp hữu với nhau: Thiền Sư Khắ c Cầ n và Thiền Sư Đại Huệ từng đề cử Thiền Sư Hoả ng Trí để n trụ trì tại Vân Cư Sơn. Khi Thiền Sư Đại Huệ đến trụ trì tại chùa A Dục Vương, tặng chúng hơn ngàn người, lương thực, vật chất thiế u thốn. Thiền Sư Hoả ng Trí đã quyên góp lương thực, vật chất khiến cho tăng chúng ở chùa A Dục Vương được đầy đủ. Thiền Sư Đại Huệ từng ca ngợi Thiền Sư Hoả ng Trí rằng: " Nế u không phải cổ Phật tái sinh thì đâu có được việc này ". Trước khi tịch, Thiền Sư Hoả ng Trí đã viết thư nhờ Thiền Sư Đại Huệ hoàn thành cuốn Thông Dong Lục và tìm người kế tiế p trụ trì tại Thiên Đờ ng Cảnh Đức Thiền Tự. Qua đó, cho thấy rằng phương pháp và quan điểm của hai tông không qua khác biệt như các đệ tử đời sau chứng minh.

Phương pháp Thiền Mặc Chiếu này trước kia phát triển cùng với Lâm tế tông tại Trung Quốc Nhưng vài trăm năm sau bị mai một do ít người kế thừa xuấ t sả c. Tuy nhiên nó vẫn được truyền bá mạnh mẽ ở Nhật từ thế kỷ 13 cho tới nay bởi khai tổ Tông Tào Động Nhật Bản là Thiền sư Đạo Nguyên Hy Huyền và là pháp tu tập chính trong các tự viện Tào Động Nhật Bản. Pháp môn này được nhiề u vị Thiền sư Tào Động nhật bản hiện đại truyền sang Phương Tây, Mỹ Quốc với nhiề u thiền đường và các hành giả tu tập tọa thiền....

Lời dạy của cổ đức Thiền sư về ý chỉ tu tập Thiền Mặc Chiếu:

Muố n tới chỗ chân thật đó(ngộ Phật tính), chỉ có cách là ngộ i lặng yên mà thầ m cứu xét vào tận thâm sâu mới nhận ra yế u chỉ. Bằ ng cách bên ngoài đừng để bị các thứ nhân duyên lôi cuốn và để tâm mình rỗng rang, trong sáng mà bao dung, chiếu soi mà u nhiệm mà chuẩn đích. Còn bên trong, không một ý niệm phan duyên nào, rỗng rang riêng giữ nhưng chẳng mê mờ, sáng suốt bật hế t các thứ đố i nhưng mà vẫn tự đắ c! Chỗ đắ c đó chẳng lệ thuộc theo tình, mà tro ng trải rỗng ruồ t, hoàn toàn không nương gá vào đâu cả, với tinh thầ n cao vút và sáng khoái, Cái mới đắ c đó chẳng tùy thuộc vào các tướng cá u uế và cái chỗ đó cũng dứt bật cả sự đắ c.

— Thiền sư Hoả ng Trí Chính Giác, Hoả ng Trí Quảng Lục, bản dịch Tiế ng Anh

Lặng lẽ mà sáng trong, sáng trong mà thông suốt thì mới có thể thuận theo và ứng hợp với sự việc đế n với mình, nhưng sự sự không ngăn ngại. Phiêu diêu ra ngoài mây cuốn, tỏ rõ ra khỏi trăng nhuầ n. Hế t thấy nơi nào cũng sáng tỏ, thầ n biế n mà hoàn toàn không có tướng gì ngăn ngại được, và tương ưng từng chút như mũi tên được bọc lại cẩn thận. Rồ i nuôi dưỡng nó thuầ n thực, thể được

yên ôn, tùy thuận chỗ nào cũng sáng tỏ, bật hết góc cạnh, chớ nói lý lẽ, tựa như trâu trắng, mèo hoang ấy đi, gọi là kẻ thành mười sự, cho nên nói: Đạo giả vô tâm nên được như vậy, chưa được vô tâm thì rất khó.

— Thiền sư Hoả`ng Trí Chính Giác, Hoả`ng Trí Quảng Lục, bản dịch Tiêng Anh.

Chẳng màng được sức hay không được sức, mờ tối tán loạn hay chẳng mờ tối tán loạn, mà chỉ cần tỉnh thức!

— Thiền sư Tuyết`t Đình Phúc Dụ, Thiền quan sách tiên tiên tập chư tổ pháp ngữ tiên yếu

Các bậc cổ đức nói rằng, người tham thiền phải quên thân tâm. Chỉ cần ngộ`i là được, chẳng cần thắp hương, lễ bái, niệm Phật, tụng kinh

— Thiền sư Đạo Nguyên Hi Huyền, Chính pháp nhãn tạng, quyển 32

Phàm tọa thiền thẳng khiêng người mở sáng tâm địa, an trụ chỗ bản phận. Chỗ ấy gọi là "bản lai diện mục" (mặt thật xưa nay), cũng gọi là "bản địa phóng quang" (chỗ đất mát mẻ sáng suốt). Thân tâm đều quên mất, ngộ`i nắm đòng xa lia. Cho nên không nghĩ thiện, không nghĩ ác, siêu cả phàm thánh, vượt khỏi xét bàn của mê ngộ, rời bờ mé Phật và chúng sanh. Thế`nên, bỏ hết muôn việc, buông sạch các duyên, tất cả không làm, sáu căn không tạo tác. Cái ấy là cái gì? – Chưa từng biết tên, không phải thân, không phải tâm, muôn suy nghĩ thì suy nghĩ bật, muôn nói năng thì nói năng cùng, như ngu như ngậy, núi cao không bày danh, biển sâu không thây đáy không đo`i duyên mà chiế`u. Mắt sáng ngó xuyên cả mây, không suy nghĩ mà thông, biết khắp mà không nói, ngộ`i trong trời đất riêng bày toàn thân, không phải chỗ suy tính của đại nhân, lặng lẽ tự hồ` người chế`t. Không có cái gì che lấp được mắt, không một mảy bụi dính được chân, thì chỗ nào có bụi bặm? Vật gì làm chướng ngại? Nước trong vô`n không trên dưới, hư không trọn không trong ngoài, trong trẻo sáng suốt, tự chiế`u thân`n diệu, sắc không chưa phân, cảnh trí đâu lập, từ xưa đến nay chung ở đã nhiē`u kiếp mà không có tên. Đức Tam Tổ Tăng Xán gọi là tâm, ngài Long Thọ gọi là thân. Nó biểu hiện tánh, tướng và thể của chư Phật. Tướng mặt trăng tròn sáng này không thiếu`u khuyết`t, không dư thừa. Tức tâm này là Phật, tự mình sáng chiế`u thân`u xưa suốt nay, được cái biế`n tướng của ngài Long Thọ, thành Tam-muội của chư Phật.

— Thiền sư Oánh Sơn Thiệu Cản, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký

Nay tọa thiền chính là vào biển Phật tánh, tức là nêu bày cái thể chư Phật, cái diệu tịnh minh tâm sau có chóng hiện tiên. Một phầ`n sáng suốt xưa nay được hoàn toàn viên chiế`u. Nước biển không thêm bớt, sóng môi cũng không lui sụt. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên xuấ`t hiện ra đời là chỉ thẳng chúng sanh khai thị ngộ`nhập tri kiến Phật, mà có diệu thuật tịch tĩnh vô`lậu đó là tọa thiền. Tọa thiền tức là cái Tam-muội chư Phật tự thọ dụng, cũng gọi là Tam-muội vua Tam-muội. Nếu một khi an trụ trong Tam-muội này, liền mở sáng tâm địa, khéo biế`t cửa chính vào Phật đạo

— Thiền sư Oánh Sơn Thiệu Căn, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký

Ảnh hưởng của Phật giáo Đại Thừa

Mặc dù Thiền tông có chủ trương là truyền ngoài giáo lý, không lập văn tự nhưng trong Thiền tông vẫn có những ảnh hưởng xuất phát từ nền tảng Kinh Điển Phật giáo Đại Thừa. Các tư tưởng Đại Thừa như Bồ Tát Đạo, Trung Quán, Duy Thức, Bát Nhã Ba La Mật, Lăng Già Kinh và các kinh sách Đại thừa khác diễn nói về Tư Tưởng Phật Tính như Hoa Nghiêm Kinh, Viên Giác Kinh, Kim Cang Kinh... cũng có ảnh hưởng đến tư tưởng, giáo lý của Thiền tông. Tư tưởng Trung Đạo và Bát Nhã có thể tìm thấy trong Thiền tông qua việc tông này nhấn mạnh đến tinh thần trí huệ Bát Nhã (vô sư trí) và việc sử dụng các Thiền ngữ trong văn học Thiền tông.

Giáo pháp Kinh Hoa Nghiêm của Tông Hoa Nghiêm cũng có sự ảnh hưởng đến Thiền tông. Một ví dụ có thể thấy là giáo lý Tứ Pháp Giới quan trong của Hoa Nghiêm Tông đã được Thiền sư Động Sơn Lương Giới- Khai Tổ Tông Tào Động dùng làm nền tảng để sáng lập ra học thuyết Động Sơn Ngũ Vị, nhắc đến nói về các quá trình tu chứng của người tu học.

Xem thêm

- Thiền trong Phật giáo
- Trung quán tông
- Duy thức tông
- Tịnh độ tông
- Mật tông
- Thiền
- Lâm Tế Tông
- Tào Động Tông
- Ấn chứng

Tham khảo

Việt ngữ

- Từ điển Thiền tông Hán Việt*. Hàn Mẫn & Thông Thiền biên dịch. Thành phố Hồ Chí Minh 2002.

Ngoại ngữ

- *Fo Guang Ta-tz'u-tien* 佛光大辭典. Fo Guang Ta-tz'u-tien pien-hsiu wei-yuan-hui 佛光大辭典編修委員會. Taipei: Fo-kuang ch'u-pan-she, 1988. (Phật Quang Đại Từ điển. Phật Quang Đại Từ điển biên tu uỷ viên hội. Đài Bắc: Phật Quang xuất bản xã, 1988.)
- *Das Lexikon der Östlichen Weisheitslehren*, Bern 1986.
- Dumoulin, Heinrich:
 - Geschichte des Zen-Buddhismus* I. Indien und China, Bern & München 1985.
 - Geschichte des Zen-Buddhismus* II. Japan, Bern & München 1986.
- Schumann, H.W.: *Mahāyāna-Buddhismus*. Die zweite Drehung des Dharma-Rades, München 1990.
- The essence of ZEN—Mark Levon Byrne—Barnes & Noble—ISBN 0760731756
- ZEN—Martine Batchelor—First Directions—ISBN 0007110162
- ZEN made easy—Timothy Freke—A Godsfield Book—ISBN 0806999217
- ZEN Wisdom—Timothy Freke—Sterling—ISBN 0806999772
- The House of Lin-chi (<http://buddhism.about.com/od/zen/a/Zen7.htm>) Lưu trữ (<https://web.archive.org/web/20050918071613/http://buddhism.about.com/od/zen/a/Zen7.htm>) 2005-09-18 tại [Wayback Machine](#)
- The Koan in Zen Buddhism (<http://www.bbc.co.uk/dna/h2g2/A3403982>)

Chú thích

- ^a ^b Xem pháp hệ truyền thừa: [Tào Động tông#Truyền Thừa](#)

Liên kết ngoài

Bảng các chữ viết tắt

bo.: Bod skad བོད་སྐད་, [tiếng Tây Tạng](#) | **ja.:** 日本語 [tiếng Nhật](#) | **ko.:** 한국어, [tiếng Triều Tiên](#) | **pi.:** Pāli, [tiếng Pali](#) | **sa.:** Sanskrit संस्कृतम्, [tiếng Phạn](#) | **zh.:** 中文 [chữ Hán](#)

Lấy từ “https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thiền_tông&oldid=67261634”